TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 81/2024/DS-ST
Ngày: 26-6-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lem.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bình Nguyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Ngọc P**, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: ấp Bình An, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm: 1950.

Địa chỉ: ấp Tân Bình, xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị Ngọc P; bị đơn bà Huỳnh Thị H vắng mặt (bà P có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Võ Thị Ngọc P trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên vào ngày 08/7/2022 bà có cho bà Huỳnh Thị H vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn trả là 07 ngày kể từ ngày vay tiền, không thoả thuận lãi suất. Khi vay tiền thì con của bà H là chị Võ Thị Kim N là người liên hệ với bà và nói mục đích vay tiền để bà H trả nợ N hàng. Chị N có chở bà H đến nhà bà trao đổi về việc mượn tiền và viết biên nhận. Chị N là người viết biên nhận, bà H có ký tên "H" vào biên nhận, chị N là người viết họ tên bà H. Chị N cũng có viết họ chị N phía dưới họ tên bà H vì chị N cũng có mặt tại thời điểm mượn tiền. Sau khi viết biên nhận thì bà có chuyển khoản vào tài khoản cho chị N vì chị N nói là bà H không có tài khoản nên chuyển vào tài khoản của chị N để

thuận tiện trả N hàng. Hiện chị N không còn sinh sống ở địa phương. Bà không yêu cầu bà N có trách nhiệm trả tiền trong vụ án này.

Khi đến thời gian trả tiền thì bà H không có tiền trả cho bà mà chỉ hứa hẹn nhiều lần, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H vẫn chưa thực hiện.

Do đó, bà khởi kiện yêu câif bà Huỳnh Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 08/7/2022 đến ngày khởi kiện tạm tính là ngày 08/12/2023 là 17 tháng (70.000.000 đồng x 1,5/ tháng x 17 tháng) = 17.850.000 đồng. Tổng cộng bà yêu cầu bà Huỳnh Thị H trả tiền vốn vay và tiền lãi là 87.850.000 đồng và tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 10/6/2024 bà P yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83/tháng từ ngày 08/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên hoà giải, bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Bà là mẹ của chị Võ Thị Kim N, chị Kim N và bà P có quan hệ mượn tiền như thế nào thì bà không biết. Chị N có chở bà đến nhà bà P nhưng bà không biết mục đích để làm gì, trước đó bà có quen bà P do bà P làm trong N hàng và có làm hồ sơ vay tiền cho bà tại N hàng. Bà thừa nhận chữ ký "H" dưới mục "Biên mượn" trong biên nhận mượn tiền bà P cung cấp là do bà ký tên nhưng do chị N kêu ký thì bà ký chứ bà không biết ký tên để làm gì, việc bà ký tên là tự nguyện, không ai ép buộc.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà P thì bà không đồng ý vì bà không vay mượn tiền của bà P, nếu chị N có mượn tiền của bà P thì chị N có trách nhiệm trả tiền cho bà P. Hiện tại chị N không còn sinh sống ở địa phương, chị N sinh sống ở đâu thì bà không được biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà H đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Võ Thị Ngọc P là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Huỳnh Thị H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P, bà H.

Chị Võ Thị Kim N có ký tên trong biên nhận mượn tiền. Tuy nhiên, bà P xác định bà không khởi kiện chị N, chỉ khởi kiện bà H để yêu cầu bà H trả tiền nên không triệu tập chị N tham gia tố tụng.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Bà P khởi kiện yêu cầu bà Hệp trả cho bà số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng và lãi suất. Bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P, bà H cho rằng

số tiền 70.000.000 đồng mà bà P khởi kiện là do con của bà là chị Võ Thị Kim N vay của bà P, bà không vay tiền của bà P như bà P trình bày.

Căn cứ nguyên đơn khởi kiện là:

"Biên nhận mượn tiền" ngày 08/7/2022 có nội dung: "*Tôi tên Huỳnh Thị H, ngày sinh 1950. Hiện đăng ký thường trú tại: ấp Tân Bình, xã Tân Thanh... Tôi có mượn cô P số tiền 70.000.000đ (bằng chữ: Bảy chục triệu đồng chẳn). Tôi hứa vào ngày 15/7/2022 tôi sẽ trả tất cả số tiền tôi đã mượn của cô*".

Phía dưới Biên nhận mượn tiền có chữ ký H, chữ viết họ tên Huỳnh Thị H dưới mục "Bên mượn" và chữ ký và viết họ tên Võ Thị Ngọc P dưới mục "Bên cho mượn".

Ngoài ra còn có chữ ký và chữ viết "Con N..Võ Thị Kim N". Bà P cho rằng bà H là người vay tiền, chị N là con của của bà H chỉ chở bà H đi đến nhà bà để thoả thuận về việc vay tiền. Bà H thì cho rằng con của bà là chị N có quan hệ vay tiền với bà P, số tiền 70.000.000 đồng là chị N vay của bà P chứ bà không có vay. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Biên nhận mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp có nội dung thể hiện việc bà H vay tiền của bà P. Bà H cũng thừa nhận chữ ký trong biên nhận là do bà ký. Bà H cũng xác định là việc ký tên là do bà tự nguyện, không ai ép buộc bà ký tên. Do đó, có sở xác định là H là người vay tiền của bà P. Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, việc vay tiền giữa bà P và bà H là hợp đồng vay tài sản, có sự ràng buộc nghĩa vụ giữa các bên.

Phía bà H đã nhận đủ số tiền vay của bà P, có ký tên xác nhận nợ và hẹn trả nợ nhưng đến thời hạn trả nợ thì bà H không thực hiện đúng như thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P nên bà P có yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền vốn vay 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng là hoàn toàn phù hợp, có căn cứ được chấp nhận.

[2.2]. Về lãi suất:

Trong đơn khởi kiện bà P yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay theo thoả thuận là 1,5%/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà P yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 08/7/2022 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, theo biên nhận mượn tiền ngày 08/7/2022 không thể hiện lãi suất nên đây là hợp đồng vay không có lãi.

Khoản 4, Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định: "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*".

Như vậy, bà P yêu cầu bà H trả số tiền lãi trên số tiền vốn vay với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về thời gian tính lãi, căn cứ theo Biên nhận mượn tiền thì thời hạn vay tiền là ngày 15/7/2022. Do đó, xác định thời gian tính lãi theo quy định trên vào ngày

16/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 26/6/2024 là: 23 tháng 10 ngày với số tiền:

Cụ thể tiền lãi được tính như sau: (70.000.000 đồng x 0,83/tháng) x 23 tháng 10 ngày = 13.556.000 đồng

Từ những phân tích trên, nguyên đơn bà P khởi kiện yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Buộc bà P có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng và 13.556.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 83.556.000 (tám mươi ba triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

[2.3]. *Về án phí:*

Do yêu cầu của bà P được chấp nhận toàn bộ nên bà H phải chịu án phí là 4.177.800 đồng (83.556.000 đồng x 5%) nhưng do bà H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Bà P không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc P đối với bị đơn là bà Huỳnh Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Ngọc P số tiền vốn vay là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và 13.556.000 (mười ba triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 83.556.000 (tám mươi ba triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Võ Thị Ngọc P được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đan nộp là 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0002943 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Đang